BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp

Bệnh viện Nhi Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm đồ vải phục vụ phẫu thuật tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Trung ương

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Vật tư - TBYT - Tầng hầm nhà 15 tầng, Bệnh viện Nhi Trung ương

- Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội.

- Số điện thoại: 024.6273.8661/62/63

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư - Tầng 3 nhà 15 tầng Bệnh viện Nhi Trung ương

- Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 07 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 8 năm 2023 đến trước 16 giờ 30 ngày 21 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
1.	Áo phẫu thuật	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu.	Cái	Cái	4.260

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		- Thành phần: 15% Cotton (± ≤5), 85% Polyeste (± ≤5) - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 450; Ngang ≥ 230 - Trọng lượng vải: ≥ 230 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** theo các size tương ứng. Với mỗi size áo có đánh dấu màu sắc khác nhau tại mép trong cổ áo cụ thể như sau: - Size M viền cổ màu trắng: 115cm(50% tổng số) - Size L viền cổ màu vàng: 125cm(50% tổng số) **3. Quy cách may** - Bo chun tay, bản chun rộng 6cm, mềm mại, ôm tay, giặt không bị đão. - Viền cổ bản rộng 2cm. Có 2 dây buộc ngang eo phía trước và giữa áo bản rộng 2cm. Có 1 đia chiều dài 7cm, rộng 1,5cm, may 1 ô vuông cố định đia trước bụng để giữ dây buộc ngang eo. Chiều dài của mỗi dây: 1 dây đài 60 cm và 1 dây đài 80cm. - Phía sau lưng áo có 1 hàng cúc, có 03 cúc bấm inox chắn chắn phía sau và 2 vị trí dây buộc phía sau cổ và lưng bản 1cm, chiều dài mỗi dây là 20cm. - Các vị trí gắn dây, chỗ nối chi, chỗ lại mũi phải chồng kit với nhau, các đường may xong phải sạch đầu chỉ. Dây buộc phải đủ dài để buộc, các đầu gắn dây phải may sâu vào mép vải 2cm, lại mũi chéo hình chữ X, chắc, bền. - Mật độ mũi chỉ: 5 mũi/ cm. Chỉ may 40/2. May bằng máy may công nghiệp, vắt sổ bằng máy 2 kim 5 chỉ. Các đường may phẳng, không co rút, tuột chỉ. **4. Màu sắc:** - Màu xanh cổ vịt **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			
2.	Toan Phẫu thuật	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu.	Cái	Cái	5.940

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		- Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2.Kích thước:** 140cm x180cm **3.Quy cách may:** - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			
3.	Toan phẫu thuật dính lưỡi	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2.Kích thước:** 80cm x 80cm **3.Quy cách may:** - Có lỗ giữa đường kính 12cm, may 2 lớp ở giữa đường kính 40cm. May trần trám phần 2 lớp. - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.	Cái	Cái	160
4.	Toan trải có viền	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥	Cái	Cái	4.380

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2.Kích thước:** 140cm x180cm **3. Quy cách may:** - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh, viền may màu xanh nhạt để phân biệt với toan phẫu thuật. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn.Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			
5.	Toan boode	**1.Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 45cm x 50cm **3. Quy cách may:** - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Chỉ may chắp vắt sổ cùng màu vải chính. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.	Cái	Cái	2.040
6.	Toan có lỗ làm thủ thuật	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2	Cái	Cái	2.040

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		- Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 100cm x 100 cm **3. Quy cách may:** - Khoét lỗ đường kính 20cm, có viền lỗ. - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Chỉ may chắp vắt sổ cùng màu vải chính. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			
7.	Toan trải thay băng	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 60cm x60cm **3. Quy cách:** - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh, viền màu xanh khác màu để phân biệt với các toan khác. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.	Cái	Cái	120
8.	Toan trải làm thủ thuật	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1	Cái	Cái	160

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		2. Kích thước: 60cm x80cm **3. Quy cách:** - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			
9.	Toan thay băng	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 140cm x 180 cm **3. Quy cách may:** - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu Xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.	Cái	Cái	80
10.	Toan trải thay băng	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 80cm x80cm **3. Quy cách may:** - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng,	Cái	Cái	40

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu Xanh **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			
11.	Toan làm thủ thuật	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, không phai màu khi giặt Javen hoặc hấp, sấy. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 60cm x80cm **3. Quy cách may:** - Khoét lỗ đường kính 20 cm (Viền quanh lỗ). - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/ cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.	Cái	Cái	40
12.	Túi vải	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 15% Cotton (± ≤5), 85% Polyeste (± ≤5) - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 450; Ngang ≥ 230 - Trọng lượng vải: ≥ 230 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 100 cm x 80 cm **3.Quy cách may:** - Túi có 2 mặt, các mặt may cuộn lại với nhau, may chỉ đôi 2 đường bên cạnh túi. - Miệng túi may gấp mép bản rộng 5cm, đục 7 lỗ ôre sắt trên mép túi để luồn dây buộc. 1 Dây buộc may dài 150cm, may cuộn mép vải và diễu 1 đường chỉ để lên dây để luồn vào	Cái	Cái	176

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		miệng túi. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. - Các lỗ ôre inox không gỉ, chắc chắn. **4. Màu sắc:** Màu xanh tím **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			
13.	Toan phẫu thuật môi, vòm	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 160cm x 260cm **3.Quy cách may:** - Có lỗ hình vuông, kích thước 20cm x20cm, may 2 lớp ở giữa đường kính 40cm. May trần trám phần 2 lớp. - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu Xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.	Cái	Cái	80
14.	Săng vải có lỗ 8cm	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 60cm x80 cm. **3. Quy cách may:** - Khoét lỗ đường kính 8cm	Cái	Cái	160

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		- May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu Xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			
15.	Săng vải có lỗ 10cm	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, hấp, sấy ở nhiệt độ cao không bị sun, biến dạng, giặt sấy không phai màu. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 60cm x80 cm. **3. Quy cách may:** - Khoét lỗ đường kính 10cm - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu Xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.	Cái	Cái	40
16.	Săng vải không có lỗ	**1. Chất liệu:** - Vải kaki, không phai màu khi giặt Javen hoặc hấp, sấy. - Thành phần: 100% Cotton - Mật độ sợi (Sợi/10cm): Dọc ≥ 460; Ngang ≥ 200 - Trọng lượng vải: ≥ 270 g/m2 - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 **2. Kích thước:** 60cm x80 cm. **3. Quy cách may:** - May mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh. - Mật độ mũi chỉ 5 mũi/cm, chỉ 40/2. Chỉ may cùng màu vải. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Sản phẩm hoàn	Cái	Cái	320

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
		thành phải đảm bảo không còn đầu chỉ, sơ vải. **4. Màu sắc:** Màu Xanh thẫm **5. Yêu cầu khác:** In, thêu logo Bệnh viện và tên khoa, vị trí định vị trên mẫu hồ sơ thiết kế.			

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ: số 18/879 Đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, giao hàng và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không tạm ứng

- Thanh toán: thanh toán theo từng đợt trong vòng 90 ngày kể từ khi bên bán giao hàng cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán.

5. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Báo giá: theo mẫu tại Phụ lục 1

- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hoá.

Trân trọng!

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Việt Tùng

Phụ lục 1 - Mẫu báo giá

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Trung ương, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho danh mục hàng hóa như sau:

1. Báo giá hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục [2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Số lượng/ khối lượng[7]	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1										
2										
...										
	Tổng cộng									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày … tháng 8 năm 2023.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

....., ngày ..... tháng.....năm 2023

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.